

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2018

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lộc.

Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Lệ-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1060/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quang B, sinh năm 1973; cư trú tại khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đào Thị T, sinh năm 1974; cư trú tại khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ.

Địa chỉ: Tòa nhà 15T đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ: Ông ĐDNLQ, sinh năm 1978-Phó trưởng phòng Phòng kiểm tra nội bộ của NLQ chỉ

nhánh Bình Định; địa chỉ tổ 37, khu vực 7, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 07 tháng 6 năm 2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại lời khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Quang B trình bày: Anh và vợ của anh là chị Đào Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 07 tháng 4 năm 2010. Trước khi kết hôn, anh và chị T có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xích mích. Anh vẫn chung thủy với chị T chứ không có quan hệ ngoại tình, nhưng chị T nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của anh. Ngoài những mâu thuẫn trên, vợ chồng anh không còn mâu thuẫn gì khác. Nay anh nhận thấy vợ chồng anh không còn tình cảm gì với nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị T.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có 01 người con chung là cháu Lê Thị Kim Ngân, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2012; hiện nay chị T đang nuôi dưỡng cháu Ngân. Nếu Tòa án cho vợ chồng anh ly hôn, anh yêu cầu giao con cho người nào có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng; nếu Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; nếu Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng anh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, anh và chị T có vay của Quỹ tín dụng Trung ương Chi nhánh Bình Định nay là NLQ chi nhánh Bình Định số tiền 600.000.000 đồng. Anh và chị T có thế chấp tài sản quyền sử dụng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 91, diện tích 286m², trong đó 200m² đất ở và 86m² đất trồng cây hàng năm khác; ngôi nhà cấp 4, tường xây gạch, mái ngói, diện tích 185,59m² xây dựng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 91 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 629852, sổ vào sổ cấp GCN CH000112 do Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010; quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 91, diện tích 248m², trong đó 100m² đất ở và 148m² đất trồng cây hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 629851, sổ vào sổ cấp GCN CH000113 do Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010; các thửa đất trên cùng địa chỉ khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. Anh công nhận sau khi vay số tiền trên đến nay, anh và chị T còn nợ NLQ chi nhánh Bình Định số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 07 tháng 6 năm 2018 là 1.047.224.300 đồng. Anh và chị T thống nhất tài sản thế chấp và khoản nợ trên là tài sản riêng và nợ riêng của chị T. Anh và chị T cùng với NLQ chi nhánh Bình Định thống nhất tự thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp trên để NLQ chi nhánh

Bình Định thu hồi số tiền mà anh và chị T còn nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này. Ngoài ra anh và chị T không còn nợ tài sản gì của ai khác. Anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Đào Thị T trình bày: Chị công nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chồng của chị là anh Lê Quang B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Thời gian gần đây anh B có quan hệ ngoại tình với người khác nên không quan tâm gì đến chị và con. Chị thường xuyên đau bệnh phải nhập viện điều trị nhưng anh B không quan tâm đến chị. Vì còn tình cảm yêu thương anh B và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi con khôn lớn nên chị yêu cầu Tòa án cho vợ chồng chị được đoàn tụ, chị không đồng ý ly hôn.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Lê Thị Kim Ngân, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2012; hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu Ngân. Nếu Tòa án cho anh B ly hôn với chị, chị yêu cầu giao cháu Ngân cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng chị. Chị công nhận vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, chị và anh B có vay của Quỹ tín dụng Trung ương Chi nhánh Bình Định nay là NLQ chi nhánh Bình Định số tiền 600.000.000 đồng. Chị và anh B có thể chấp các tài sản như anh B trình bày là đúng. Chị công nhận chị và anh B còn nợ NLQ chi nhánh Bình Định số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 07 tháng 6 năm 2018 là 1.047.224.300 đồng. Chị thống nhất các tài sản thế chấp và toàn bộ số tiền nợ trên là tài sản riêng và nợ riêng của chị đối với NLQ chi nhánh Bình Định chứ không liên quan gì đến anh B. Chị và anh B cùng với NLQ chi nhánh Bình Định thống nhất tự thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp trên để NLQ chi nhánh Bình Định thu hồi số tiền mà chị và anh B còn nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này. Ngoài ra chị và anh B không còn nợ tài sản gì của ai khác. Chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại văn bản ngày 14 tháng 6 năm 2018, NLQ chi nhánh Bình Định thống nhất với sự thỏa thuận của anh Lê Quang B, chị Đào Thị T về tài sản mà anh B, chị T đang thế chấp và số tiền nợ tại NLQ chi nhánh Bình Định là tài sản riêng và nợ riêng của chị T. NLQ chi nhánh Bình Định không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền mà vợ chồng anh B, chị T còn nợ trong vụ án này. Tại lời khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông ĐDNLQ là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ chi nhánh Bình Định trình bày: Ông thống nhất với toàn bộ nội dung lời trình bày của anh B và chị T về số tiền nợ, tài sản thế chấp. Hiện nay giữa NLQ chi nhánh Bình Định và vợ chồng anh B, chị T thống nhất thuê Công ty thẩm định giá và Công ty bán đấu giá tài sản đang tiến hành thủ tục phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi khoản tiền mà vợ chồng anh B, chị T còn nợ. Nay ông là người đại diện hợp pháp của NLQ chi nhánh Bình Định không yêu cầu Tòa án giải quyết số

tiền mà vợ chồng anh B, chị T còn nợ của NLQ chi nhánh Bình Định trong vụ án ly hôn này. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Quang B; không cho anh Lê Quang B ly hôn với chị Đào Thị T. Vì không cho anh B ly hôn với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét về con chung. Anh Lê Quang B và chị Đào Thị T cùng với NLQ chi nhánh Bình Định đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp gồm Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P cấp ngày 07 tháng 4 năm 2010 (Bản chính); Giấy khai sinh của cháu Lê Thị Kim Ngân, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2012 (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của anh Lê Quang B (Bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình của chị Đào Thị T (Bản sao); Đơn xin ly hôn của chị Đào Thị T đề ngày 08 tháng 3 năm 2018; chứng minh nhân dân của chị Đào Thị T (Bản sao); hồ sơ bệnh án của chị Đào Thị T; hồ sơ pháp lý, hồ sơ vay vốn của NLQ chi nhánh Bình Định.

Nguyên đơn anh Lê Quang B và bị đơn chị Đào Thị T thống nhất tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P tỉnh Bình Định. Anh Lê Quang B yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị T nhưng chị T yêu cầu được đoàn tụ. Anh B và chị T đều thống nhất có một người con chung là cháu Lê Thị Kim Ngân, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2012. Trường hợp Tòa án cho anh B ly hôn với chị T thì anh B yêu cầu Tòa án xem xét người nào có đủ điều kiện nuôi con thì giao cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng; chị T yêu cầu giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay chị T đang nuôi dưỡng cháu Ngân; chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Quang B và chị Đào Thị T cùng với NLQ chi nhánh Bình Định đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn anh Lê Quang B khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn chị Đào Thị T. Chị Đào Thị T hiện đang cư trú tại khu phố

T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Anh Lê Quang B và chị Đào Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 07 tháng 4 năm 2010. Việc kết hôn giữa anh B và chị T theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh B và chị T là hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang B yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị T, căn cứ mà anh B yêu cầu ly hôn với chị T là do sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra kinh cãi. Anh B cho rằng sống chung thủy với chị T chứ không có quan hệ ngoại tình, nhưng chị T nghi ngờ anh B có quan hệ ngoại tình nên chị T thường xuyên xúc phạm đến danh dự của anh B. Ngoài những mâu thuẫn trên, vợ chồng không còn mâu thuẫn gì khác. Chị T cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Thời gian gần đây anh B có quan hệ ngoại tình với người khác nên không quan tâm gì đến chị T và con. Chị T thường xuyên đau bệnh phải nhập viện điều trị nhưng anh B không quan tâm đến chị T. Vì còn tình cảm yêu thương anh B và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi con khôn lớn nên chị T yêu cầu Tòa án cho vợ chồng được đoàn tụ, chị T không đồng ý ly hôn với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ mà anh B yêu cầu ly hôn với chị T chứng minh vợ chồng anh B, chị T không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Qua xác minh trình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh B, chị T thì vợ chồng anh B, chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do đó, hôn nhân của vợ chồng anh B, chị T chưa lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài, mục đích của hôn nhân vẫn đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B về việc yêu cầu ly hôn đối với chị T.

[4] Về con chung: Anh Lê Quang B và chị Đào Thị T thống nhất có 01 người con chung là cháu Lê Thị Kim Ngân, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2012. Hội đồng xét xử không cho anh B ly hôn với chị T nên không xét về con chung. Anh B và chị T đều có các nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Anh Lê Quang B, chị Đào Thị T và ông ĐDNLQ là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ chi nhánh Bình Định thống nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, chị T và anh B có vay của Quỹ tín dụng Trung ương Chi nhánh Bình Định nay là NLQ chi nhánh Bình Định số tiền 600.000.000 đồng. Chị T và anh B thế chấp tài

sản là quyền sử dụng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 91, diện tích 286m², trong đó 200m² đất ở và 86m² đất trồng cây hàng năm khác; ngôi nhà cấp 4, 01 tầng, tường xây gạch, mái ngói, diện tích 185,59m² xây dựng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 91 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 629852, số vào sổ cấp GCN: CH000112 do Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010; quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 91, diện tích 248m², trong đó 100m² đất ở và 148m² đất trồng cây hàng năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 629851, số vào sổ cấp GCN: CH000113 do Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010 cùng địa chỉ khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. Chị T, anh B và ông ĐDNLQ công nhận đến ngày 07 tháng 6 năm 2018, chị T và anh B còn nợ NLQ chi nhánh Bình Định số tiền gốc và tiền lãi là 1.047.224.300 đồng. Chị T, anh B cùng với NLQ chi nhánh Bình Định thống nhất số tiền nợ trên là nợ riêng của chị T và các tài sản trên là tài sản riêng của chị T chứ không liên quan gì đến anh B. Các đương sự đều thống nhất tự thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp trên để NLQ chi nhánh Bình Định thu hồi số tiền mà chị T, anh B còn nợ của NLQ chi nhánh Bình Định nên anh B, chị T và NLQ chi nhánh Bình Định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung trong vụ án ly hôn này. Ngoài ra chị T và anh B không còn nợ tài sản gì của ai khác. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không xét về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này; nếu các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Lê Quang B phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000465 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quang B về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Đào Thị T. Không cho anh Lê Quang B ly hôn với chị Đào Thị T.

2. Về con chung: Anh Lê Quang B và chị Đào Thị T đều có các nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con chung là cháu Lê Thị Kim Ngân, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2012.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự đều thống nhất không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Quang B phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Lê Quang B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000465 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 12 tháng 7 năm 2018).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Mỹ;
- CCTHADS huyện Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh